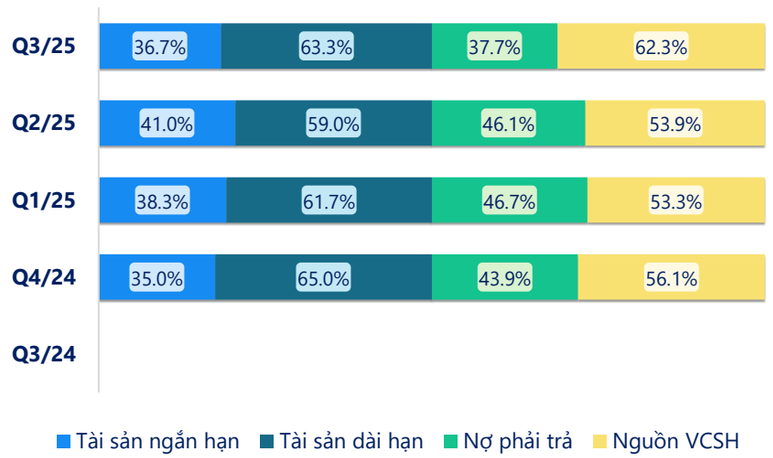
FireAnt

CTCP Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (UPCOM: SBB)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	16,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,100
SL cổ phiếu LH	87,524,536
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,550
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,400
P/E	-4.6
EPS	-3,511

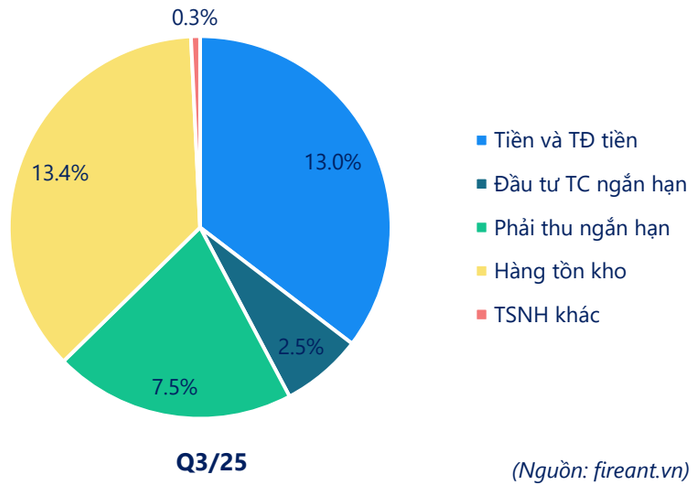
	YTD	1T	3T	6T
SBB	17.6%	-3.6%	7.4%	6.0%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



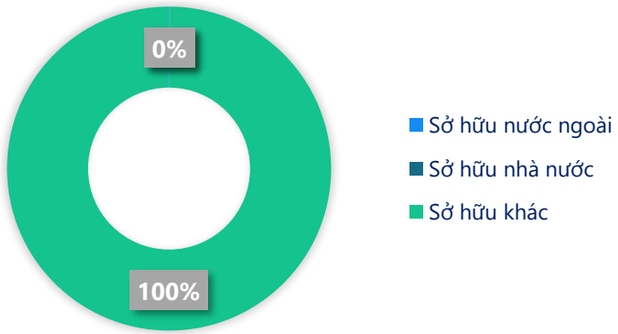
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



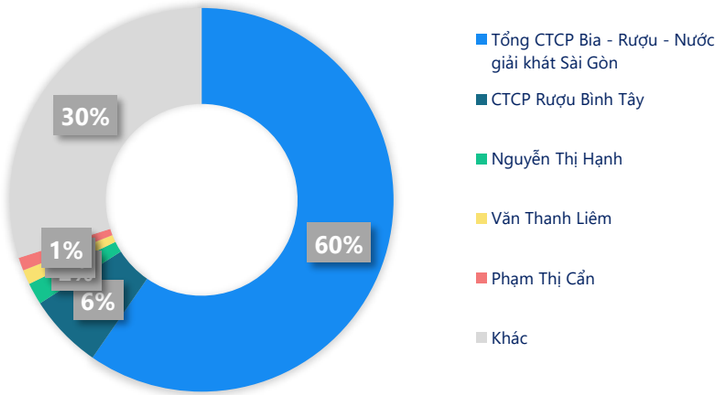
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



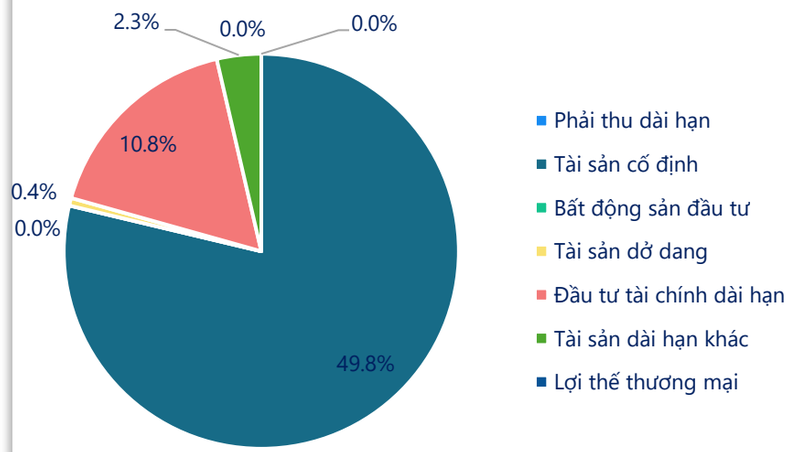
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

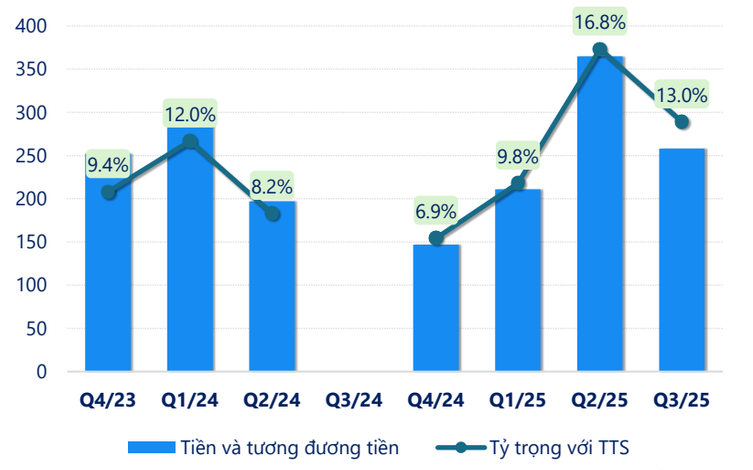


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

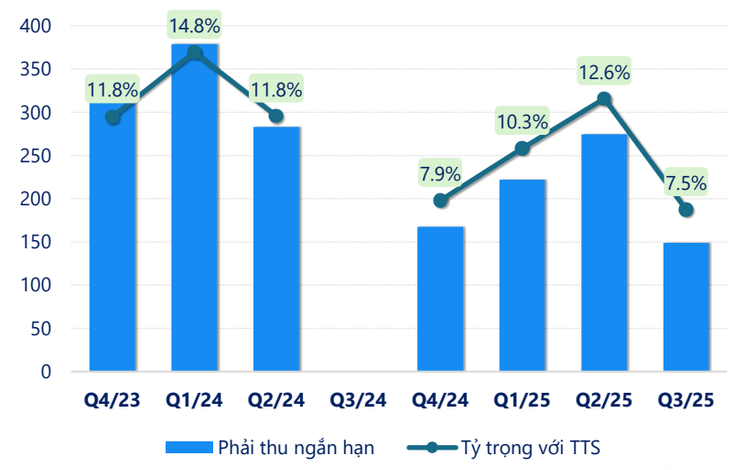
CTCP Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (UPCOM: SBB)

Tiền và tương đương tiền



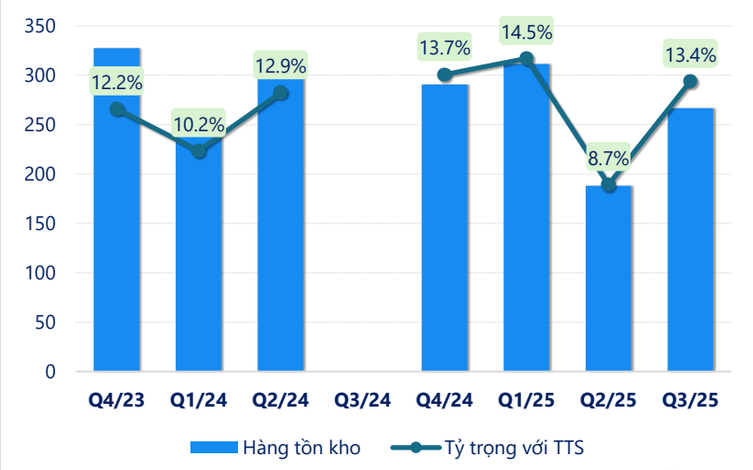
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



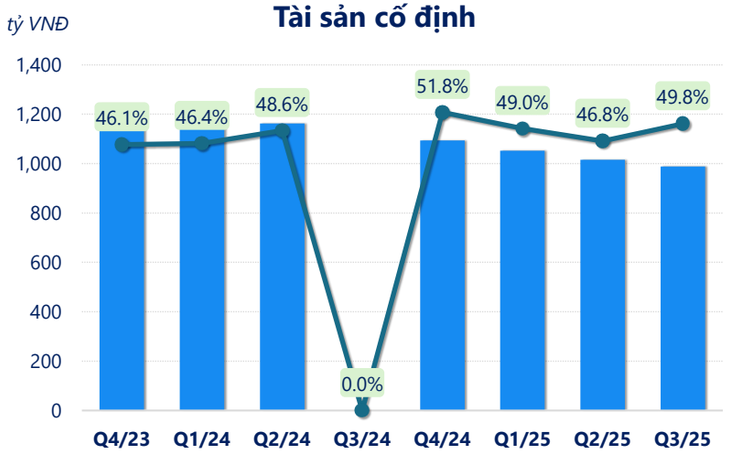
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



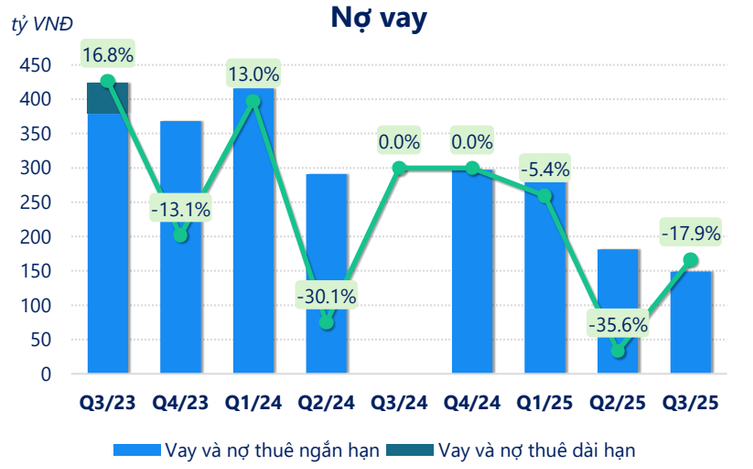
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



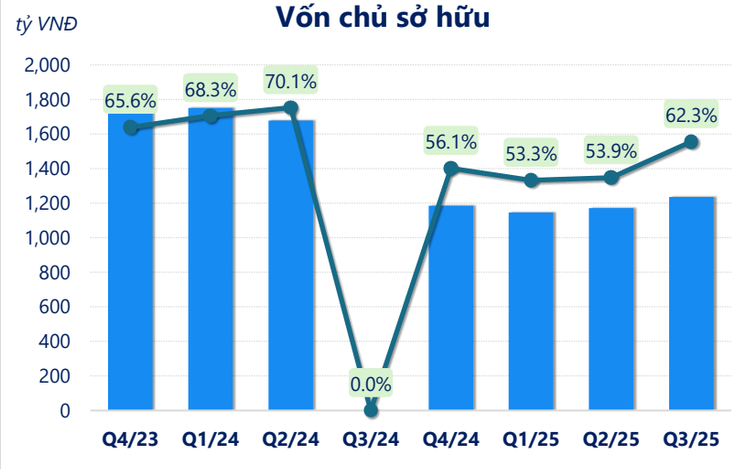
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

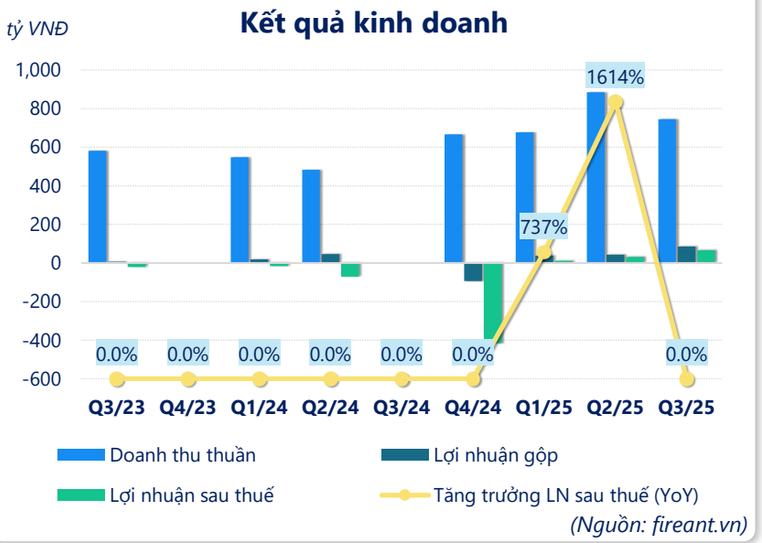


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

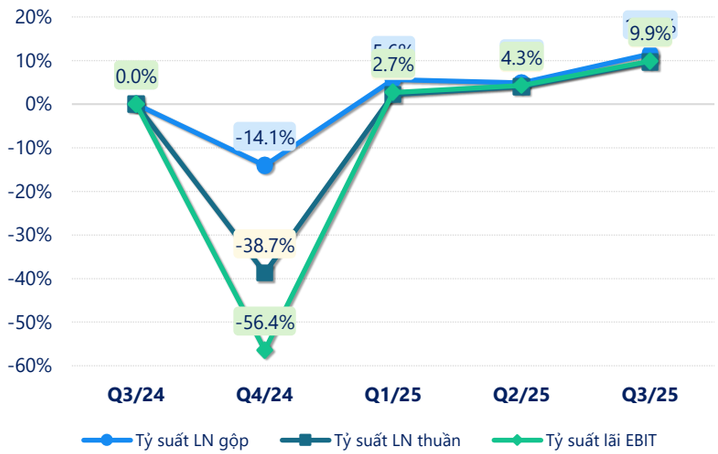
CTCP Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (UPCOM: SBB)

Kết quả kinh doanh



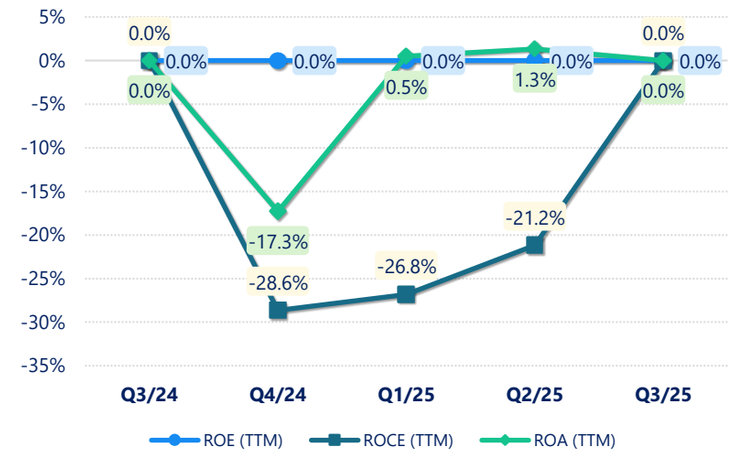
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



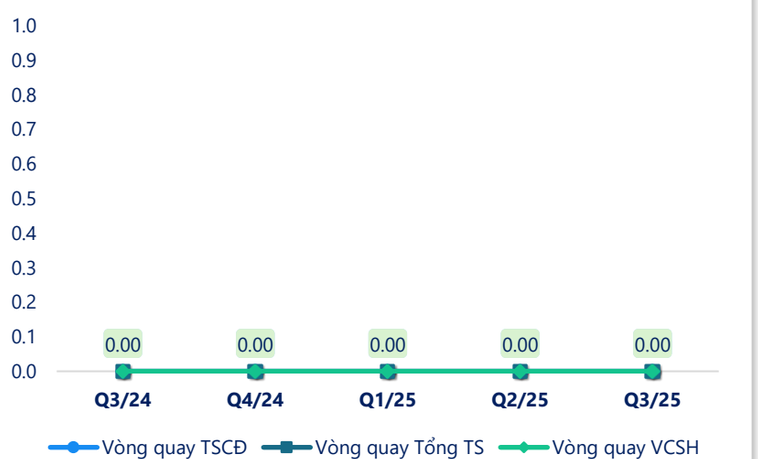
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



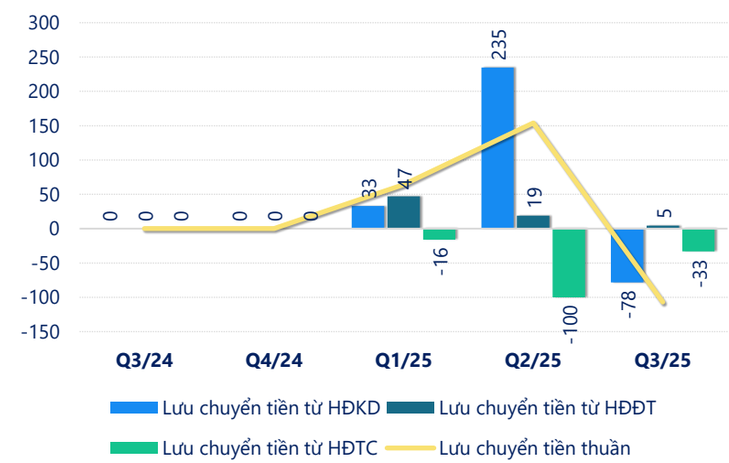
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Tập đoàn Bia Sài Gòn Bình Tây (UPCOM: SBB)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,984**	**2,107**	**-5.9%**
Tài sản ngắn hạn	729	739	-1.4%
Tiền và tương đương tiền	258	147	75.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	50.0	132	-62.2%
Phải thu ngắn hạn	149	168	-11.2%
Hàng tồn kho	267	291	-8.3%
Tài sản ngắn hạn khác	5.58	1.81	209%
Tài sản dài hạn	**1,255**	**1,368**	**-8.3%**
Phải thu dài hạn	0.02	0.02	0.0%
Tài sản cố định	988	1,087	-9.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	7.88	0.42	1757%
Đầu tư tài chính dài hạn	214	207	3.1%
Tài sản dài hạn khác	**45.5**	**72.9**	**-37.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	749	974	-23.1%
Nợ ngắn hạn	**626**	**851**	**-26.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	149	297	-49.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	122	81.9	49.4%
Nợ dài hạn	122	122	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,235**	**1,134**	**9.0%**
Vốn chủ sở hữu	**1,235**	**1,134**	**9.0%**
Vốn điều lệ	875	875	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	666	677	884	745	
Giá vốn hàng bán	760	639	841	659	
Lợi nhuận gộp	-93.7	38.1	43.1	85.8	
Doanh thu HĐTC	6.40	3.15	6.32	2.52	
Chi phí TC	4.82	4.69	3.68	2.46	
Chi phí lãi vay	4.81	4.69	3.68	2.46	
LN trong công ty LKLD	1.78	0	6.33	0	
Chi phí bán hàng	16.6	7.39	3.81	2.42	
Chi phí QLDN	151	14.3	13.0	11.8	
LN thuần từ HĐKD	-258	14.9	35.3	71.7	
Lợi nhuận khác	-123	-1.46	-0.94	-0.72	
LN trước thuế	-381	13.5	34.4	70.9	
Lợi nhuận sau thuế	-416	11.9	30.2	66.2	
LNST của CĐ cty mẹ	-416	11.9	30.2	66.2	

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	33.1	235	-78.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	47.0	19.0	4.55
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-16.1	-99.9	-33.2
Tiền đầu kỳ	0	0	147	211	365
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**0**	**64.1**	**154**	**-107**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	211	365	258

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic